

Thứ năm, ngày 6 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường hưng phấn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/2/2020		●	
Tuần 3/2-7/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Vn-Index tăng điểm tích cực trong cả hai phiên sáng và chiều. Đà tăng giá tốt của VCB, CTG, VNM, VRE trong phiên sáng đã giúp chỉ số lấy lại mốc 930 điểm. Đến phiên chiều, GAS, VRE, CTG, VPB, VHM là những trụ đỡ chính. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về phía bên mua với 264 mã tăng điểm, trong đó có 28 mã tăng trần. Quan điểm của Bộ KHĐT về các gói hỗ trợ kinh tế nhằm giảm thiểu tác động của dịch virus Corona phần nào hỗ trợ tâm lý của nhà đầu tư trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, về bình diện quốc tế, Trung Quốc trong hôm nay cũng tuyên bố sẽ cắt giảm nửa thuế đối với 75 tỷ hàng hóa từ Mỹ, qua đó tiếp tục làm dịu đi áp lực của chiến tranh thương mại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 835 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_ Xây dựng_ 3.6%. 17/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.6%**, con số này của VNINDEX là 1.4%

Phân tích kỹ thuật: HDB_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+12.63 điểm**, đóng cửa 938.54. HNX-Index **+2.65 điểm**, đóng cửa 105.84.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+2.49); VRE (+1.39); CTG (+1.34); VPB (+1.00); VHM (+0.76)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.72); BID (-0.34); NVL (-0.27); LGC (-0.14); VIC (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,777 tỷ đồng**, **+26%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 13.33 điểm. Thị trường có 264 mã tăng, 52 mã tham chiếu và 83 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **166.98 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (67.30 tỷ), NVL (63.68 tỷ) và VIC (43.49 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **30.02 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

938.54

Giá trị: 3777.76 tỷ

12.63 (1.36%)

Khối ngoại (ròng): -166.98 tỷ

HNX-INDEX

105.84

Giá trị: 337.85 tỷ

2.65 (2.57%)

Khối ngoại (ròng): -30.02 tỷ

UPCOM-INDEX

55.61

Giá trị: 157.72 tỷ

0.4 (0.72%)

Khối ngoại (ròng): -16.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.7	1.83%
Giá vàng	1,559	0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,219	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,535	-0.26%
Tỷ giá JPY/VND	21,123	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	3.2%	1.27%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-2.52%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	30.9	MSN	-66.9
HDB	23.7	NVL	-63.6
VRE	23.1	VIC	-43.5
VHM	17.5	VNM	-26.0
VJC	16.6	BID	-21.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **17/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BDS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.6%**, con số này của VNINDEX là 1.4%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	3.6%	-6.1%	-7.1%	-18.4%	-19.5%	-22.1%	3.9%	18.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	3.6%	3.8%	8.0%	3.8%	15.7%	16.7%	51.1%	19.3%
Dầu khí	3.6%	-5.6%	-8.8%	-16.7%	-18.5%	-7.2%	9.9%	22.7%
Lãi suất giảm	3.5%	-2.2%	-0.8%	-7.8%	-7.6%	-2.2%	48.0%	18.0%
VN FinSelect	3.4%	2.8%	6.1%	2.2%	12.3%	12.5%	44.0%	17.9%
VN Diamond	2.9%	-0.4%	-0.2%	-4.8%	7.2%	15.8%	64.7%	17.1%
Nước & Năng lượng	2.9%	-6.5%	-8.1%	-13.1%	-10.8%	-5.3%	34.1%	14.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.8%	-1.1%	-1.9%	-6.1%	5.3%	13.8%	67.2%	17.3%
Ngân hàng	2.7%	3.4%	8.8%	7.1%	20.7%	28.7%	90.6%	21.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.6%	-1.4%	-1.6%	-6.2%	2.6%	10.4%	60.8%	15.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.5%	-1.5%	-1.7%	-9.4%	-0.7%	2.2%	49.7%	14.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.5%	-0.1%	1.6%	-0.9%	10.1%	31.4%	104.9%	19.3%
Chiến tranh thương mại	2.4%	-3.5%	-5.8%	-11.1%	-15.7%	-3.7%	5.4%	15.6%
BDS & Khu công nghiệp	2.4%	-3.0%	-7.5%	-10.1%	-8.1%	-0.8%	49.5%	16.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.2%	-3.4%	-5.3%	-12.2%	-13.7%	-12.5%	33.6%	21.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.1%	-1.5%	-2.7%	-0.6%	-4.7%	8.0%	43.0%	14.5%
Hàng tiêu dùng	1.6%	-2.6%	-4.5%	-15.8%	-11.9%	-3.9%	46.7%	17.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.2%	-3.0%	-3.9%	-9.9%	-4.8%	1.8%	71.6%	13.8%
FTSE Việt Nam	1.2%	-3.0%	-3.2%	-9.0%	-2.9%	3.0%	82.5%	14.9%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	-2.1%	-2.4%	-6.1%	-0.8%	7.3%	6.4%	18.6%
Ngành Dược	-1.8%	-0.1%	3.2%	0.2%	4.2%	12.3%	45.7%	17.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	3.4%	0.0%	4.8%	-4.3%	4.9%	15.6%	57.6%	19.0%
Danh mục 6	3.0%	-4.9%	-5.1%	-11.3%	-2.3%	6.6%	75.1%	20.8%
Danh mục 12	3.0%	-2.7%	-4.0%	-6.4%	2.5%	17.7%	61.6%	16.9%
Danh mục 7	1.6%	-2.5%	-2.7%	-7.5%	-0.5%	7.6%	96.0%	16.3%
Danh mục 16	1.4%	-3.7%	-4.4%	-9.3%	-0.9%	17.8%	78.1%	17.7%

* Note **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	3.2%	-4.9%	-8.1%	-13.9%	-9.1%	13.0%	79.3%	20.4%
Danh mục 25	2.7%	-1.8%	-1.4%	-6.5%	3.3%	21.8%	102.4%	16.8%
Danh mục 23	2.6%	-2.9%	-2.8%	-6.3%	1.0%	8.4%	47.7%	16.8%
Danh mục 19	1.6%	-2.1%	-4.6%	-6.8%	2.3%	14.9%	55.3%	15.3%
Danh mục 22	1.5%	-4.6%	-6.6%	-9.8%	-1.6%	14.6%	53.8%	16.4%

* Note **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	1.4%	-2.2%	-2.3%	-7.6%	-3.6%	2.9%	37.6%	15.4%
VN30INDEX	2.1%	-1.5%	-1.8%	-7.6%	-1.1%	-0.7%	36.7%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

2/6/2020

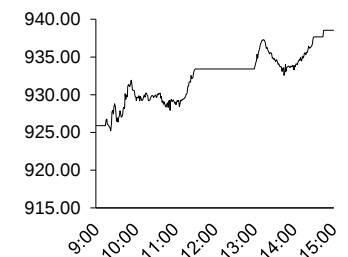
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

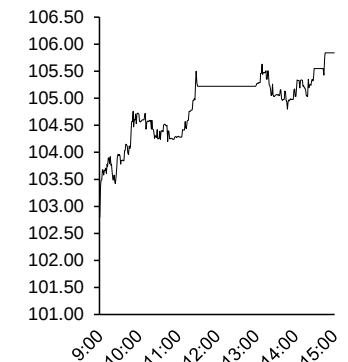
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	-1.1%
Truyền thông	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Viễn thông	0.0%
Du lịch và Giải trí	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Bất động sản	0.8%
Xây dựng và Vật liệu	1.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%
Bán lẻ	1.4%
Bảo hiểm	1.7%
Dầu khí	1.8%
Ngân hàng	1.8%
Dịch vụ tài chính	2.0%
Ô tô và phụ tùng	2.3%
Hóa chất	2.4%
Tài nguyên Cơ bản	2.9%
Công nghệ Thông tin	3.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HDB_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: HDB đang ở trong trạng thái tăng ngắn hạn sau khi cổ phiếu đã kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 25.5 và bật lại từ vùng giá này. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng hơn 5% khá ấn tượng để về lại vùng đỉnh cũ tại mốc 30. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo MACD vừa xuất hiện Golden Cross cho thấy đây có thể chỉ là bước khởi đầu cho một chu kỳ tăng dài hạn của cổ phiếu. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn nhiều. Tuy vậy, cổ phiếu có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh ngắn hạn sau chuỗi tăng mạnh mẽ vừa qua cũng như chịu ảnh hưởng từ áp lực chốt lời tại vùng giá hiện tại. Theo đánh giá của chúng tôi, nếu sự hưng phấn được duy trì giúp HDB vượt qua được ngưỡng cản 30, cổ phiếu có cơ hội để về lại vùng giá 34 trong trung hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 6/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 6/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	51.50	1.46%	-1.25%	-18.32%	-8.69%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	55.91	1.14%	-2.48%	-17.26%	-11.65%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	150.58	1.31%	0.02%	-14.70%	-0.26%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1556.44	0.03%	-1.13%	-1.14%	16.07%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.66	0.29%	-0.99%	-4.04%	10.45%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.75	0.54%	0.97%	-6.35%	-9.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.75	0.31%	0.58%	2.50%	0.85%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.94	-65.00%	-70.00%	-0.18%	21.52%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.00	-167.00%	-1053.00%	-16.57%	-22.55%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.73	0.14%	1.66%	10.67%	4.62%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	97.75	-0.41%	-4.21%	-22.64%	-19.08%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5722.00	1.85%	1.44%	-6.79%	-8.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3290.00	-0.33%	-6.99%	-6.88%	N/A	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1717.00	1.84%	-1.15%	-6.33%	-9.96%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	579.00	-0.94%	-12.93%	-9.61%	N/A	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	71.55	2.65%	6.32%	-0.21%	-20.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 1.32 USD tương đương 2.5% lên 56.46 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.14 USD tương đương 2.3% lên 50.75 USD/thùng. Giá dầu tăng khoảng 2% khi các phương tiện truyền thông cho thấy các nhà khoa học đã phát minh 1 loại vaccine chống lại virus corona lây lan nhanh, làm giảm bớt mối lo ngại về dịch bệnh đã thúc đẩy nhu cầu dầu.
- Ngoài ra giá dầu còn được hỗ trợ bởi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh đang xem xét cắt giảm sản lượng hơn nữa, nhằm thắt chặt nguồn cung khi nhu cầu dầu toàn cầu suy giảm.
- Sự suy giảm trong nền kinh tế toàn cầu do virus corona bùng phát dự kiến sẽ giảm mức tăng trưởng nhu cầu dầu trên toàn thế giới năm 2020 khoảng 300.000 – 500.000 thùng/ngày, chiếm 0.5% trong tổng nhu cầu

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm tăng 0.4% lên 1,558.12 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.5% lên 1,562.8 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trở lại sau khi chạm mức thấp nhất 2 tuần trong phiên giao dịch, do các nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào. Giá vàng tăng được hỗ trợ bởi số liệu việc làm tự nhân trong nước hàng tháng tăng mạnh và báo cáo tiến trình phát triển một phương pháp điều trị để chống lại virus corona lây lan nhanh cũng như đồng USD tăng, bất chấp thị trường chứng khoán Mỹ tăng mạnh.

Giá nông sản

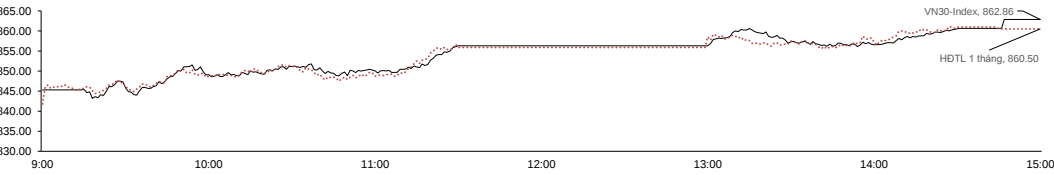
- Giá đường duy trì vững sau khi đạt mức cao nhất 2 năm trong phiên trước đó do sản lượng giảm, trong khi giá cà phê Arabica chạm mức thấp nhất 3 tháng.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.01 US cent tương đương 0.1% xuống 14,71 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn tăng 0.4 USD tương đương 0.1% lên 414.1 USD/tấn.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.25 US cent tương đương 0.25% xuống 97.9 US cent/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 7 USD tương đương 0.5% xuống 1,283 USD/tấn.
- Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 12/2019 tăng 0.3% so với tháng 12/2018 lên 10.3 triệu bao (60 kg), Tổ chức Cà phê Quốc tế cho biết.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.3 JPY lên 175 JPY (1.6 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 335 CNY lên 11,215 CNY (1,602 USD)/tấn. Giá cao su tại Tokyo tăng khi giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải tăng do tâm lý của các nhà đầu tư được cải thiện.

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	860.50	2.22%	-2.36	0.3%	140367	2/20/2020	14
VN30F2003	860.00	1.96%	-2.86	64.3%	391	3/19/2020	42
VN30F2006	865.30	1.70%	2.44	0.0%	115	6/18/2020	133
VN30F2009	867.60	2.30%	4.74	-63.5%	31	9/17/2020	224

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh 17.55 điểm lên mức 862.86 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, STB, HPG và HDB tác động mạnh đến vận động phục hồi của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực lên trên 855 điểm. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh vùng 856-860 điểm, sau đó tăng mạnh trong phiên ATC lên trên 860 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể tích lũy quanh vùng 860-870 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 835 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE1902	HSC	4/8/2020	62	4:1	103,780	5.0%	5.0 triệu	24.86%	1,300	610	45.24%	186.80	3.27
CVRE2002	HSC	6/22/2020	137	4:1	63,610	448.8%	5.0 triệu	24.86%	1,400	1,000	40.85%	415.20	2.41
CHDB2002	MBS	4/10/2020	64	2:1	253,700	25.1%	1.5 triệu	23.38%	1,950	2,480	34.05%	2,096.50	1.18
CVRE1903	KIS	5/15/2020	99	2:1	164,080	49.1%	4.0 triệu	24.86%	2,700	920	29.58%	280.50	3.28
CSTB2001	KIS	6/19/2020	134	1:1	383,180	1722.1%	5.0 triệu	21.15%	1,500	1,590	28.23%	629.20	2.53
CVPB1901	VND	3/5/2020	28	1:1	216,090	-44.1%	2.0 triệu	n/a	3,500	7,510	23.11%	n/a	
CHDB2001	KIS	6/19/2020	134	2:1	47,690	8731.5%	5.0 triệu	23.38%	2,000	2,540	21.53%	2,384.60	1.07
CMBB1905	HSC	4/8/2020	62	2:1	322,530	483.8%	5.0 triệu	20.13%	1,700	750	20.97%	169.40	4.43
CFPT1905	SSI	4/22/2020	76	1:1	35,580	-42.5%	1.0 triệu	22.48%	9,900	3,600	20.81%	1,807.20	1.99
CMBB1903	SSI	4/22/2020	76	1:1	166,730	-67.3%	3.0 triệu	20.13%	4,000	1,770	18.00%	806.60	2.19
CFPT1906	HSC	4/8/2020	62	5:1	182,870	75.7%	5.0 triệu	22.48%	1,700	680	17.24%	178.60	3.81
CHPG1909	KIS	5/15/2020	99	2:1	528,370	5.0%	5.0 triệu	26.17%	1,800	1,470	16.67%	902.70	1.63
CVPB2001	HSC	6/22/2020	137	2:1	56,870	841.6%	5.0 triệu	n/a	1,500	3,530	16.50%	n/a	
CTCB1902	VND	6/5/2020	120	1:1	60,610	-22.1%	2.0 triệu	23.04%	5,300	3,130	12.19%	2,161.80	1.45
CHPG2001	HSC	6/30/2020	145	2:1	103,620	67.8%	5.0 triệu	26.17%	1,800	2,030	11.54%	1,279.50	1.59
CHPG1907	SSI	4/22/2020	76	1:1	133,780	366.8%	1.0 triệu	26.17%	4,200	5,200	9.94%	4,468.70	1.16
CREE1905	MBS	6/17/2020	132	3:1	393,350	81.8%	2.4 triệu	23.58%	2,150	1,330	8.13%	383.40	3.47
CFPT1908	MBS	6/17/2020	132	3:1	377,190	129.5%	2.4 triệu	22.48%	3,150	2,000	8.11%	1,047.30	1.91
CVHM1902	SSI	4/22/2020	76	1:1	19,770	43.0%	1.0 triệu	22.00%	18,600	9,270	5.22%	4,900.40	1.89
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	78	5:1	195,200	-3.3%	2.0 triệu	22.16%	2,200	1,620	4.52%	811.90	2.00
CMWG2002	MBS	4/24/2020	78	10:1	308,170	121.1%	2.0 triệu	23.20%	1,950	1,490	1.36%	743.00	2.01
CVJC1902	SSI	4/22/2020	76	1:1	15,850	74.2%	1.0 triệu	17.83%	27,900	10,830	-1.55%	3,575.20	3.03
CMSN1902	KIS	5/15/2020	99	5:1	460,080	383.7%	2.0 triệu	26.97%	1,640	230	-14.81%	2.50	92.00
CMSN1903	MBS	3/17/2020	40	5:1	244,800	470.6%	1.0 triệu	26.97%	1,350	220	-26.67%	278.00	0.79
Tổng:					4,837,500		73.30 triệu	23.38%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 6/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CMSN1903 và CMSN1902 giảm mạnh lần lượt là -26.67% và -14.81%. Trại lại, CVRE1902 và CVRE2002 tăng mạnh nhất lần lượt là 45.24% và 40.85%. Thanh khoản thị trường tăng 50.62%. CHPG1909 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.68% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, VHM và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	25.50	5.59	3.14
TCB	22.35	2.76	1.86
STB	10.95	6.83	1.72
HPG	25.20	3.07	1.70
HDB	29.90	5.28	1.38

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	53.0	-1.85	-0.45
SAB	190.0	-2.06	-0.39
ROS	7.1	-6.25	-0.16
BID	53.2	-0.56	-0.07
MSN	49.9	-0.20	-0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE1902	37,700	32,500	30,950
CVRE2002	37,600	32,000	30,950
CHDB2002	29,900	26,000	29,900
CVRE1903	41,189	35,789	30,950
CSTB2001	12,499	10,999	10,950
CVPB1901	21,500	18,000	25,500
CHDB2001	33,099	29,099	29,900
CMBB1905	26,400	23,000	21,800
CFPT1905	64,900	55,000	53,600
CMBB1903	26,000	22,000	21,800
CFPT1906	65,500	57,000	53,600
CHPG1909	28,280	24,680	25,200
CVPB2001	23,000	20,000	25,500
CTCB1902	26,300	21,000	22,350
CHPG2001	27,600	24,000	25,200
CHPG1907	25,200	21,000	25,200
CREE1905	41,050	34,600	34,000
CFPT1908	63,450	54,000	53,600
CVHM1902	103,600	85,000	86,800
CPNJ2001	94,500	83,500	83,900
CMWG2002	129,500	110,000	109,500
CVJC1902	157,900	130,000	127,500
CMSN1902	86,089	77,889	49,900
CMSN1903	62,450	55,700	49,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	109.5	1.4%	0.8	2,158	3.7	8,655	12.7	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	83.9	1.5%	1.2	821	2.1	5,327	15.7	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	58.4	2.8%	1.3	1,885	0.4	1,632	35.8	2.3	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	1.0%	0.8	319	0.0	2,859	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.4	-0.1%	1.0	16,824	3.4	2,268	50.4	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.0	6.9%	1.1	3,058	4.8	1,253	24.7	2.6	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	-1.9%	0.8	2,234	3.1	3,563	14.9	2.4	6.9%	15.5%
REE	Bất động sản	34.0	2.1%	1.0	458	1.4	5,286	6.4	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.7	6.9%	1.6	264	1.2	2,849	4.1	0.9	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	4.4%	1.4	399	2.2	1,708	10.4	0.9	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.8	0.6%	1.0	192	0.0	4,218	6.4	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.9	3.3%	1.7	251	1.5	1,421	13.3	1.3	55.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	53.6	3.1%	0.9	1,581	3.9	4,225	12.7	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	41.2	0.2%	0.4	446	0.0	4,156	9.9	2.5	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	85.9	5.3%	1.5	7,148	0.9	6,096	14.1	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	52.0	1.0%	1.5	2,692	1.2	3,495	14.9	2.8	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	16.9	5.0%	1.4	351	1.9	1,529	11.1	0.7	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.8	2.6%	0.8	1,051	0.6	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.9	-0.6%	0.5	545	0.3	4,668	20.5	3.7	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.7	2.6%	0.6	199	0.2	902	13.0	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.7	0.2%	0.6	131	0.1	683	8.3	0.5	2.3%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.4	0.6%	1.2	14,416	3.5	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	53.2	-0.6%	1.7	9,303	3.4	2,398	22.2	2.9	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	27.8	4.5%	1.6	4,492	12.5	2,541	10.9	1.3	29.8%	13.1%
VPB	Ngân hàng	25.5	5.6%	1.2	2,703	9.1	3,370	7.6	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.8	3.1%	1.2	2,204	11.4	3,480	6.3	1.3	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.0	4.3%	1.2	1,729	3.1	3,686	6.5	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.0	0.0%	0.9	149	0.2	5,165	8.1	1.4	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	1.8%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	20.3%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	4.9%	1.1	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.2	3.1%	1.0	3,025	10.0	2,581	9.8	1.5	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.3	2.9%	1.8	152	1.6	1,161	7.1	0.6	18.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	107.5	0.8%	0.8	8,139	10.0	5,478	19.6	6.8	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	190.0	-2.1%	0.8	5,298	1.4	7,477	25.4	6.5	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.9	-0.2%	1.1	2,536	5.1	4,772	10.5	1.4	39.1%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.0	1.4%	0.4	459	0.9	508	35.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	59.0	0.0%	0.8	5,584	0.8	2,630	22.4	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	127.5	0.4%	1.1	2,904	2.3	7,889	16.2	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	26.4	-0.4%	1.7	1,628	1.8	1,640	16.1	2.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	19.5	3.2%	0.9	252	0.3	1,595	12.2	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.6	3.0%	0.5	166	0.5	2,421	5.6	0.9	32.2%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.5	4.2%	1.1	470	0.8	8,824	7.6	3.1	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.6	0.3%	0.7	342	0.1	1,454	12.1	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	0.0%	0.8	241	0.1	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.1	4.9%	0.9	176	0.4	8,858	6.0	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	1.0	482	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	-0.8%	0.4	258	0.1	1,750	13.7	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	10.1	5.0%	0.6	1,023	0.9	1,064	9.4	1.0	13.3%	7.8%
NT2	Điện	20.1	4.4%	0.5	252	0.3	2,577	7.8	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	85.90	5.27	2.40	253870.00
VRE	30.95	6.91	1.36	3.66MLN
CTG	27.75	4.52	1.30	10.57MLN
VPB	25.50	5.59	0.97	8.47MLN
VHM	86.80	0.93	0.78	484420.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.00	4.35	1.61	2.98MLN
SHB	7.60	2.70	0.27	9.10MLN
PVS	16.90	4.97	0.20	2.67MLN
SHS	7.20	9.09	0.09	1.10MLN
VCS	67.50	4.17	0.09	265500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	190.00	-2.06	-0.75	165080.00
BID	53.20	-0.56	-0.35	1.47MLN
NVL	53.00	-1.85	-0.28	1.35MLN
LGC	39.50	-6.51	-0.15	300.00
VIC	114.40	-0.09	-0.10	676290.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHT	47.60	-3.45	-0.03	97200.00
API	16.20	-9.50	-0.02	200.00
S99	7.50	-6.25	-0.02	100.00
SJ1	21.80	-9.92	-0.02	13200.00
CEO	8.30	-1.19	-0.01	678600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PHR	36.00	6.98	0.09	526270.00
ICT	13.80	6.98	0.01	17690.00
HAG	3.53	6.97	0.06	3.10MLN
NAV	19.20	6.96	0.00	21960.00
DRH	3.38	6.96	0.00	206360.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.80	14.3	0.00	90600.00
DST	0.90	12.5	0.00	139000.00
PPP	18.70	10.0	0.01	200.00
PVX	1.10	10.0	0.02	982200.00
DNM	14.60	9.8	0.00	21400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIC	2.95	-6.94	0.00	581860.00
COM	48.40	-6.92	-0.02	440.00
CEE	15.50	-6.91	-0.01	10.00
HVX	3.78	-6.90	0.00	1700.00
DCL	21.65	-6.88	-0.03	73470.00

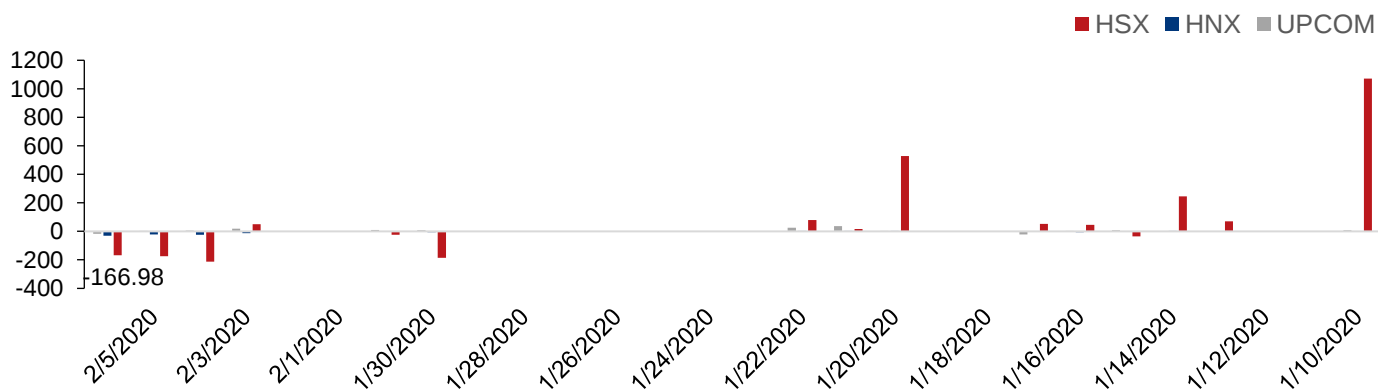
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ARM	32.40	-10.00	0.00	100.00
SJ1	21.80	-9.92	-0.02	13200.00
HJS	28.30	-9.87	-0.01	100.00
PSC	22.90	-9.84	-0.01	200.00
CMS	2.80	-9.68	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	95.9	4,668	20.5	3.7	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	28.2	5,020	5.6	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	83.9	5,327	15.7	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.6	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	156.9	29,035	5.4	4.3	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.4	0	38.1	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	109.5	8,655	12.7	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.0	3,686	6.5	1.4	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.0	2,736	4.4	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.4	2,881	7.8	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.4	5,004	17.9	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.3	7,028	3.9	1.4	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	53.6	4,225	12.7	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	24.9	3,897	6.4	1.1	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	14.9	2,236	6.6	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	31.0	2,846	10.9	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	49.9	4,772	10.5	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	107.5	5,478	19.6	6.8	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.4	3,700	5.8	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn